

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 02 – 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Nhân là kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

*Bà Đ vắng mặt tại phiên Tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt lần 2 không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

*Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn D kết hôn năm 1988 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày

14/10/2002. Hôn nhân giữa bà Đ và ông D được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu tiến tới kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng bà Đ và ông D chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm, vợ chồng hay cự cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống bà Đ và ông D có 03 con chung tên Nguyễn Văn X, sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 02/02/1992, Nguyễn Chí Z, sinh năm: 1996 (chết) các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn D không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Về con chung: Bà Đ và ông D có 03 con chung tên Nguyễn Văn X, sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 02/02/1992, Nguyễn Chí Z, sinh năm: 1996 (chết) các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); căn cước công dân của bà Đ (Photo đối chiếu), Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), Giấy khai sinh Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Chí Z (bản sao). Trích lục khai tử tên Nguyễn Chí Z (Bản sao).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận*

*định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D cư trú tại ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nên tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Xét thấy, bà Đ và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/10/2002, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2008 cho đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng ông bà không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hơn nữa, bà Đ xác định giữa bà Đ và ông D không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Đ và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Đ và ông D có 03 con chung tên Nguyễn Văn X, sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 02/02/1992, Nguyễn Chí Z, sinh năm: 1996 (chết) các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ xác định là không có, không yêu

cầu giải quyết. Ông Nguyễn Văn D không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà Đ và ông D có 03 con chung tên Nguyễn Văn X, sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 02/02/1992, Nguyễn Chí Z, sinh năm: 1996 (chết) các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007080 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị Đ đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Tuyết Trinh – Nguyễn Thị Diệu Hiền**

**Huỳnh Anh Thư**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- CC THA DS huyện B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Anh Thư**











***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- CC THA DS huyện B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Anh Thư**











